

Số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11/3/2022.

V/v: Ly hôn giữa bà Trần Thị H
và ông Phạm Ngọc D.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Nam và bà Nguyễn Thị Kim Huế.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Dự là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà 01 N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn: Ông **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số nhà 01 và số nhà 79/12 đều ở đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Ngọc D kết hôn với nhau vào ngày 09/9/1996, có đăng ký tại UBND phường Lộc Tiên, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, kết hôn do mai mối được khoảng 02 tháng. Quá trình sống chung, vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, cách đối xử của gia đình chồng coi thường và xúc phạm bà, vợ chồng không tôn trọng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau nữa, tình cảm của bà đối với ông D không còn, hôn nhân không hạnh phúc, bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Phạm Ngọc D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Ngọc Thảo U, sinh ngày 17/9/1999 và Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 02/01/2005. Hiện tại cháu U đã thành niên không thuộc trường hợp cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu N đang ở với bà, khi ly hôn nguyện vọng của bà xin nuôi cháu N, bà làm nghề buôn bán tự do, thu nhập bình quân một tháng từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu ông Phạm Ngọc D cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về ... án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị H về ly hôn với bị đơn ông Phạm Ngọc D. Về con chung: Đối với Phạm Ngọc Thảo U, sinh ngày 17/9/1999 đã thành niên không thuộc trường hợp cấp dưỡng nên không xem xét. Đối với cháu Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 02/01/2005. Ý kiến của cháu N có nguyện vọng ở với bà H, bà H yêu cầu được nuôi cháu N. Vì vậy, giao con chung Phạm Ngọc Bảo N cho bà H nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên là phù hợp; bà H làm nghề buôn bán tự do, thu nhập bình quân một tháng từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nên ghi nhận; về tài sản chung, nợ chung: không có, không xem xét; về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Bà Trần Thị H và ông Phạm Ngọc D có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lộc Tiến, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65, quyển số 01. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông D. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp về: “Ly hôn”. Bị đơn ông Phạm Ngọc D, ở địa chỉ: Số nhà 01 và số nhà 79/12 đều ở đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Trần Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ

vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

+ Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị H và ông Phạm Ngọc D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung theo bà Trần Thị H xác định: Vợ chồng kết hôn do mai mối được khoảng 02 tháng, quá trình sống chung không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, cách đối xử của gia đình chồng coi thường và xúc phạm bà H, vợ chồng không tôn trọng nhau, vợ chồng sống ly thân đã lâu, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau nữa.

Tại biên bản xác minh ghi ngày 07/01/2022 đối với ông Trần Văn H là Tổ Trưởng tổ dân phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có nội dung: Về tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Thị H và ông Phạm Ngọc D như thế nào thì địa phương không nắm bắt được. Hiện tại ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1967, cư trú tại số nhà 01 và số nhà 79/12 đều thuộc đường N, tổ 2, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại văn bản ghi ngày 29/11/2021 đối với cháu Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 02/01/2005 là con ruột của bà Trần Thị H và ông Phạm Ngọc D, có nội dung: Mẹ Trần Thị H ly hôn với cha Phạm Ngọc D với các lý do: Gia đình cháu không hạnh phúc, công việc của mẹ H phải giao tiếp với ngoài xã hội nhiều nên ông D không đồng ý; ông D hay bị tác động bên ngoài về nhà miếng nhức, dùng lời lẽ nặng nề xúc phạm, làm tổn thương mẹ H và cháu. Mẹ H đã từng nói “để im cho mẹ H làm ăn, nuôi gia đình” nhưng ông D càng ngày càng đáng, đánh, đuổi mẹ H ra khỏi nhà, đi rêu rao, ghen tuông vô cớ. Cháu có 02 người em nhưng đã bị chết, ông D lại nói: chưa chắc 02 người con này là của ông D nên mẹ H rất buồn và tổn thương.

Xét hôn nhân giữa bà H và ông D lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng bà H và ông D đã sống ly thân nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn lại gia đình. Vì vậy, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Phạm Ngọc D.

+ Về con chung: Vợ chồng bà H, ông D có 02 con chung là Phạm Ngọc Thảo U, sinh ngày 17/9/1999 và Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 02/01/2005. Đối với cháu Phạm Ngọc Thảo U đã thành niên, không thuộc trường hợp cấp dưỡng nên không xem xét. Đối với cháu Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 02/01/2005, ý kiến của cháu N có nguyện vọng ở với bà H, bà H cũng yêu cầu được nuôi cháu N. Vì vậy, giao con chung Phạm Ngọc Bảo N cho bà H nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên là phù hợp; bà H làm nghề buôn bán tự do, thu nhập bình quân một tháng từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nên ghi nhận.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Từ những phân tích, căn cứ pháp luật nêu trên, kết luận: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị H về “Ly hôn” đối với bị đơn ông Phạm Ngọc D.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị H về “Ly hôn” đối với bị đơn ông Phạm Ngọc D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Phạm Ngọc D.

3. Về con: Giao 01 con chung có họ và tên là Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 02/01/2005 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên. Bà Trần Thị H đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu ông Phạm Ngọc D cấp dưỡng.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và khi có lý do chính đáng thì mức cấp dưỡng có thể thay đổi được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 00004661 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Bà Trần Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND Tp. Bảo Lộc;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Chi cục T.H.A.DS. Tp. Bảo Lộc;
- + UBND xã L, Tp. Bảo Lộc;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Đức Công